

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày: 12-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ngải.

Ông Trần Anh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 589/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1).

Địa chỉ: số B - B N, phường H, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S (*Vắng mặt có lý do*).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc T, chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Q nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S2) (Theo Giấy ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022) (*Vắng mặt có lý do*).

Ông Lê Ngọc T ủy quyền lại cho ông Trần Gia T1, chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Q nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S, trực tiếp tham gia tố tụng (Theo Giấy ủy quyền số 2433/2023/UQ-TGD ngày 11-8-2023) (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1988 (*Vắng mặt không lý do*).

Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28-9-2018, các bản tự khai ngày 16-5-2024, 11-4-2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là ông Trần Gia T1 trình bày:

Ngày 26-9-2019, ông Nguyễn Văn B có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 24.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể như sau:

Loại thẻ	Số thẻ	Hạn mức	Ngày ký hợp đồng	Lãi suất áp dụng
Visa	472075 - 5064	24.000.000	26-9-2019	2,6%/tháng

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 383.095.520 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 365.452.372 đồng, rồi ngưng thanh toán nợ. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể việc thanh toán được áp dụng theo thứ tự: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở, nhưng ông B vẫn không có thiện chí trả nợ. Ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 23-9-2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 27.663.687 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Vào tháng 10 năm 2021, ông B thanh toán thêm vào thẻ tín dụng số tiền 1.500.000 đồng, nên nợ gốc còn lại là 26.163.687 đồng (= 27.663.687 đồng – 1.500.000 đồng).

Tính đến ngày 11-4-2025, ông B còn nợ Ngân hàng số tiền 70.286.348 đồng, trong đó tiền gốc là 26.163.687 đồng, tiền lãi quá hạn là 44.122.661 đồng. Nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông B phải trả toàn bộ số nợ này cho Ngân hàng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 12-4-2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo triệu tập của Tòa án đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B tại địa chỉ đăng ký thường trú ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, nhưng ông B đều không đến Tòa trong các buổi mời làm việc. Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bảo lưu các ý kiến, yêu cầu đã trình bày trong quá trình làm việc tại Tòa án. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa thụ

lý đến thời điểm này, Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng về thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử. Phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Vị đề nghị căn cứ vào quy định tại các Điều 274, 280, 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 26, 35, 147, 177, 179, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Buộc ông Nguyễn Văn B phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 11-4-2025 là 70.286.348 đồng (Gồm: Nợ gốc: 26.163.687 đồng; Lãi quá hạn: 44.122.661 đồng); Kể từ ngày 12-4-2025 tiếp tục tính lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông B thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng. Ngoài ra, V đề nghị nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn B trả nợ vay gồm gốc và lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng đã ký với Ngân hàng vào ngày 26-9-2019, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, được quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh thụ lý ngày 23-10-2023 (Do khi vay tiền ông B khai địa chỉ chỗ ở là tại E ấp E, xã V, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh), nhưng quá trình tố tụng hồ sơ vụ án Tòa án xác minh thì ông B không tạm trú tại địa chỉ này, theo giấy tờ tùy thân thể hiện ông B đăng ký thường trú tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, nên Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã quyết định chuyển thẩm quyền giải quyết vụ án về Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương ấp G, xã H và với người thân của ông B cho biết: Ông B có đăng ký thường trú tại địa phương ấp G chung hộ với cha ruột là ông Nguyễn Văn B1, hiện tại ông B đi làm thuê ở xa nhưng có trở về địa phương này. Do đó, theo quy định tại khoản 3

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] *Về xác định tư cách người tham gia tố tụng*: Ngân hàng S1 xác định tranh chấp khoản nợ vay là giao dịch giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn B. Ngân hàng chỉ yêu cầu ông B trả nợ mà không yêu cầu cá nhân nào khác cùng có trách nhiệm trả nợ với ông B là phù hợp nội dung thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp quy định của pháp luật về quyền quyết định, tự định đoạt của đương sự tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên xác định Ngân hàng là nguyên đơn, ông B là bị đơn, không phát sinh thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Đối với ông Nguyễn Văn B là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến dự phiên tòa xét xử vụ án nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[4] *Về nội dung*: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ vay và tiền lãi của hợp đồng ký ngày 26-9-2019, số thẻ tín dụng 472075 - 5064 tính đến ngày 11-4-2025 là 70.286.348 đồng (Trong này, nợ gốc là 26.163.687 đồng, nợ lãi quá hạn là 44.122.661 đồng). Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng do ông Nguyễn Văn B ký xác lập với Ngân hàng vào ngày 26-9-2019; Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 15-8-2016; Bảng tính lãi phát sinh; Tóm tắt sao kê chứng minh khoản tiền giao dịch và thanh toán nợ, cũng như đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của Ngân hàng đã giao nộp, có đủ cơ sở xác định: Giữa Ngân hàng S1 với ông Nguyễn Văn B có ký kết với nhau hợp đồng tín dụng ngày 26-9-2019, ông B đã được cấp thẻ tín dụng số 472075 – 5064, hạn mức tín dụng là 24.000.000 đồng; Quá trình thực hiện hợp đồng, ông B đã thực hiện các giao dịch (mục đích tiêu dùng cá nhân) và được Ngân hàng chấp nhận với tổng số tiền là 383.095.520 đồng, lãi suất do Ngân hàng quy định theo từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại; Căn cứ bảng tính lãi suất của Ngân hàng thể hiện mức lãi suất mà Ngân hàng áp dụng tính đối với khoản tiền vay của ông B là 2,6%/tháng, lãi suất quá hạn 3,9%/tháng; Các khoản nợ thanh toán được thể hiện trên thông báo giao dịch. Xét nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tại bản tóm tắt sao kê tài

khoản chứng minh giao dịch và thanh toán nợ của khách hàng theo hợp đồng ký ngày 26-9-2019 là: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tổng số tiền ông B thực hiện các giao dịch được Ngân hàng chấp nhận là 383.095.520 đồng, ông B đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền là 365.452.372 đồng (gồm nợ gốc, tiền phí và tiền lãi phát sinh). Kể từ ngày 23-9-2021, do ông Bằng K thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn toàn bộ khoản nợ gốc và yêu cầu ông B thực hiện nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng. Ông Bằng không đến Tòa, không có lời khai phản bác yêu cầu của nguyên đơn, trốn tránh không thông báo địa chỉ nơi sinh sống hoặc làm việc hiện tại cho Ngân hàng biết. Ông B đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình trong vụ án này. Theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”* và tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự cũng quy định *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng tín dụng ký ngày 26-9-2019 và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp để xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn toàn bộ khoản nợ gốc là 26.163.687 đồng và nợ lãi quá hạn trên số nợ gốc chưa thanh toán tính đến ngày 11-4-2025 là 44.122.661 đồng, tổng cộng là 70.286.348 đồng; Kể từ ngày 12-4-2025 ông B phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng ngày 26-9-2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được chấp nhận, nên Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Nguyễn Văn B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo quy định là 3.514.000 đồng (= 5% x 70.286.348 đồng).

[6] Xét quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 70, 91, 144, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 274, 280, 351, 357, 463, 466, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1).

1. Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 11-4-2025 là **70.286.348đ (Bảy mươi triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi tám đồng)**. Trong đó: Nợ gốc là 26.163.687đ (Hai mươi sáu triệu một trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng); Nợ lãi quá hạn là 44.122.661đ (Bốn mươi bốn triệu một trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm sáu mươi một đồng), theo hợp đồng gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng do ông B ký xác lập với S1 vào ngày 26-9-2019 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có hiệu lực từ ngày 15-8-2016.

Kể từ ngày 12-4-2025, ông Nguyễn Văn B phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn B phải nộp 3.514.000đ (Ba triệu năm trăm mười bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S 1.200.196đ (Một triệu hai trăm nghìn một trăm chín mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số AA/2023/0020489 ngày 17 tháng 10 năm 2023 do Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh thu.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cục THADS thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo

